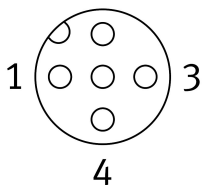


Cáp kết nối  
**NEBB-M12W5-P-10-LE3**  
Số bộ phận: 8066681

FESTO



**Bảng dữ liệu**

| Đặc tính                                | Giá trị                                                             |
|-----------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
| Tuân theo tiêu chuẩn                    | Màu sắc dây và số kết nối theo EN 60947-5-2<br>EN 61076-2-101       |
| Chống cháy nổ                           | Lưu ý thông tin trong chứng nhận<br>Vùng 2 (ATEX)<br>Vùng 22 (ATEX) |
| Tên cáp                                 | với giá đỡ nhãn tên                                                 |
| Cổng nối điện 1, chức năng              | Phía thiết bị hiện trường                                           |
| Cổng nối điện 1, thiết kế               | tròn                                                                |
| Cổng nối điện 1, kiểu kết nối           | Ổ cắm                                                               |
| Cổng nối điện 1, đầu ra cáp             | được kê góc                                                         |
| Cổng nối điện 1, công nghệ kết nối      | M12x1 được mã hóa A theo EN 61076-2-101                             |
| Cổng nối điện 1, số chân cắm/dây        | 5                                                                   |
| Cổng nối điện 1, cực/dây điện được dùng | 3                                                                   |
| Cổng nối điện 1, kiểu gắn               | Khóa vít với SW13                                                   |
| Cổng nối điện 2, chức năng              | Phía điều khiển                                                     |
| Cổng nối điện 2, kiểu kết nối           | Cáp                                                                 |
| Cổng nối điện 2, công nghệ kết nối      | đầu mở                                                              |
| Cổng nối điện 2, số cực/dây             | 3                                                                   |
| Cổng nối điện 2, cực/dây điện được dùng | 3                                                                   |
| Dải điện áp hoạt động DC                | 0 V...250 V                                                         |
| Dải điện áp hoạt động AC                | 0 V...250 V                                                         |
| Khả năng tải dòng điện ở 40 ° C         | 4 A                                                                 |
| Độ chịu điện áp xung                    | 2.5 KV                                                              |
| Chiều dài cáp                           | 10 m                                                                |
| Đặc điểm dây dẫn                        | Đối với các ứng dụng tĩnh                                           |
| Dòng điều kiện kiểm tra                 | Điều kiện kiểm tra theo yêu cầu                                     |
| Bán kính uốn, định tuyến cáp cố định    | 12 mm                                                               |
| Đường kính cáp                          | 3.8 mm                                                              |
| Cấu tạo cáp                             | 3 x 0,25 mm <sup>2</sup>                                            |
| Mặt cắt danh định của dây dẫn           | 0.25 mm <sup>2</sup>                                                |

| Đặc tính                              | Giá trị                                                                             |
|---------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|
| Đầu dây                               | tước<br>cắt cùn                                                                     |
| Mức độ bảo vệ                         | IP65<br>IP68<br>IP69K                                                               |
| Lưu ý về mức độ bảo vệ                | ở trạng thái lắp                                                                    |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh        | -25 °C...70 °C                                                                      |
| Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)   | theo chỉ thị điện áp thấp của EU<br>theo chỉ thị RoHS của EU                        |
| Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp) | theo các quy định UK RoHS<br>theo quy định của Vương quốc Anh đối với thiết bị điện |
| Tuân thủ LABS                         | VDMA24364-B2-L                                                                      |
| Loại phòng sạch                       | Loại 4 theo ISO 14644-1                                                             |
| Ghi chú vật liệu                      | Tuân thủ RoHS                                                                       |
| mức độ ô nhiễm                        | 3                                                                                   |
| Lớp chống ăn mòn KBK                  | 2 - bị ăn mòn vừa phải                                                              |
| Vật liệu vỏ bọc cáp                   | PVC                                                                                 |
| Màu vỏ cáp                            | xám                                                                                 |
| Vật liệu vỏ                           | TPE-U (PU)                                                                          |
| nhà màu                               | màu đen                                                                             |
| Vật liệu khóa vít                     | Đồng thau, mạ niken                                                                 |
| Vật liệu cửa phốt                     | NBR                                                                                 |
| Vật liệu các tiếp điểm phích cắm      | Hợp kim đồng mạ vàng                                                                |
| Vật liệu vỏ cách điện                 | PVC                                                                                 |